

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2022/DS-PT  
Ngày: 13/7/2022.  
*V/v: tranh chấp quyền sử dụng đất.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: -Ông Nguyễn Văn Trường

-Ông Lê Nguyên Khoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2021/TLPT-DS ngày 31 tháng 12 năm 2021, về việc *“tranh chấp quyền sử dụng đất”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số:97/2021/DS-ST, ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2022/QĐ-PT ngày 24 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bích Th, sinh năm 1988; Đại chỉ: phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Hoàng T, sinh năm 1979. Địa chỉ: phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và bà bà Lê Thị M, sinh năm 1962. Địa chỉ: phường N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 22/11/2021 và văn bản ủy quyền ngày 27/12/2021). (có mặt).

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1977. Địa chỉ: khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn là ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1976. Địa chỉ: phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 13/7/2022) (có mặt).

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1976. Địa chỉ: khóm S, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

Người kháng cáo: bà Trần Thị Bích Th là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Thúy L là bị đơn trong vụ án.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Tại Đơn khởi kiện ngày 13/8/2020, đơn khởi kiện bổ sung ngày 09/9/2020 của bà Trần Thị Bích Th và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 06/11/2018, bà Trần Thị Bích Th nhận chuyển nhượng của ông Đào Đức T thửa đất số 519, tờ bản đồ số 20, diện tích 137,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long, bà Th được chỉnh lý mặt 3 trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Giáp ranh với thửa đất số 519 của nguyên đơn là đất của bà Nguyễn Thị Thúy L thuộc thửa 518, tờ bản đồ số 20, diện tích 90,4m<sup>2</sup>, đất ở tại đô thị, bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12/7/2018, giáp ranh giữa hai thửa đất là vách tường nhà cấp 4 của bà L. Khi bà Th đăng ký đo đạc lại thửa đất để làm thủ tục chuyển nhượng cho người khác thì bà L ngăn cản không cho đo đạc và yêu cầu phải chừa cho bà L phần đất chiều rộng khoảng 01 mét, chiều dài 18 mét để mở cửa sổ và làm lối đi, lối thoát hiểm, bà Th không đồng ý nên xảy ra tranh chấp. Vì vậy bà Th khởi kiện yêu cầu bà L phải trả lại diện tích đất khoảng 18m<sup>2</sup> (rộng 1mét - dài 18m) thuộc thửa 519, tờ bản đồ số 20, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm B phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, không hỗ trợ chi phí di dời.

*Tại tờ tường trình ngày 18/11/2020, bà Nguyễn Thị Thúy L trình bày:* Bà Th khởi kiện bà lấn chiếm đất là không chính xác. Vì hiện trạng giữa thửa đất bà L và đất bà Th có con đường thoát hiểm công cộng, phía dưới là cống thoát nước sinh hoạt và thoát nước mưa cho cả xóm. Đường thoát hiểm và cống thoát nước công cộng này đã có từ khi chủ đầu tư được phép hình thành khu dân cư vào khoảng năm 2006 đến nay. Khi bà Th mới đến đầu tư mua thửa đất này để bán lại, bà đã nhiều lần nói cho bà Th biết sự việc như trên. Đến sau này không biết bằng cách nào bà Th chiếm luôn con đường thoát hiểm và cống thoát nước công cộng và bà Th đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mới đây bà Th bán thửa đất nêu trên và yêu cầu bà ký giáp ranh, nhưng vì quyền lợi của bà và cả xóm nên bà không ký. Từ đó bà Th cho rằng bà lấn chiếm đất, Ủy ban nhân dân phường T khảo sát, hòa giải không thành, bà Th tiếp tục khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Bà không lấn chiếm đất của bà Th, mục đích của bà là ngăn cản việc bà Th bán luôn phần cống thoát nước công cộng và đường thoát hiểm của cả xóm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng các Điều 166, Điều 167, Điều 168 Luật Đất đai; Điều 166 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị Bích Th.

Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L giao trả lại cho bà Th phần đất 36,6m<sup>2</sup> loại đất trồng cây lâu năm, đã làm đường đan lán xi măng có diện tích 36,6m<sup>2</sup> (rộng 02 mét, dài 18,3 mét, có vị trí giáp cạnh ranh thửa 518) thuộc thửa 519, tờ bản đồ 20, trong tổng diện tích 137,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long được cấp quyền sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 14/11/2018.

Bà Th được quyền sở hữu đường đan lán xi măng có diện tích 36,6m<sup>2</sup> (rộng 02 mét, dài 18,3 mét) và bậc tam cấp khối lượng 1,8 mét x 0,6 mét x 0,25 mét bằng 0,27m (vị trí giáp cạnh ranh thửa 518) trong phạm vi diện tích 137,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 519, tọa lạc tại khu đất khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long, do bà Th đứng tên quyền sử dụng đất vào ngày 14/11/2018.

Buộc bà Th có nghĩa vụ hoàn lại tổng giá trị đường đan lán xi măng và bậc tam cấp bằng tổng số tiền là 6.628.500 đồng (Sáu triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng) cho bà L.

Dành cho các bên đương sự được quyền khởi kiện vụ việc khác khi có tranh chấp và yêu cầu đối với không gian và ống thoát nước.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/11/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L kháng cáo yêu cầu xác minh lại toàn bộ quá trình thửa đất được phân lô, mời người làm chứng, người làm chủ phân lô của khu đất, giám định lại toàn bộ hệ thống cống, đường công cộng trong khu vực để xác định thời gian xây dựng, người xây dựng và kê cả hệ thống điện sinh hoạt nằm ngay giữa thửa đất 519.

Ngày 26/11/2021, nguyên đơn bà Trần Thị Bích Th kháng cáo không đồng ý trả số tiền 6.628.500 đồng (Sáu triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn năm trăm đồng) giá trị đường đan cho bà L.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Hoàng T không đồng ý trả cho bị đơn giá trị đường đan và bậc tam cấp với số tiền 6.628.500đ, vì bị đơn không làm cống, không lán xi măng hai bên mà do chủ đầu tư làm có sẵn từ trước, bà Th cũng không có nhu cầu sử dụng bậc tam cấp. Yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp 36m<sup>2</sup> cho nguyên đơn và buộc bị đơn phải tháo dỡ bậc tam cấp trên phần đất tranh chấp.

Ý kiến ông Nguyễn Minh C đại diện hợp pháp cho bị đơn: yêu cầu hội đồng xét xử xem xét lại đường cống cho bị đơn sử dụng làm lối thoát nước, lối đi và lối thoát hiểm. Bị đơn không yêu cầu nguyên đơn trả giá trị đường đan và bậc tam cấp số tiền là 6.628.500đ như án sơ thẩm đã tuyên, vì bị đơn không làm cống lán xi măng và bậc tam cấp trên đất, khi bị đơn mua nhà ở đây đã có bậc tam cấp rồi.

Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Các đương sự có mặt thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận kháng cáo của bà Th. Không chấp nhận kháng cáo của bà L, sửa án sơ thẩm. Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: ngày 16/11/2022 Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, ngày 25/11/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L kháng cáo, ngày 26/11/2021 nguyên đơn bà Trần Thị Bích Th kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Minh C là chồng bà L yêu cầu đưa ông Nguyễn Minh C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy ông C và bà L là vợ chồng (có giấy chứng nhận đăng ký kết hôn) đang sinh sống trên thửa đất 518 và đang tranh chấp ranh đất với bà Th, xét thấy việc đưa ông C tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác trong vụ án nên được chấp nhận.

[3]Về nội dung: xét kháng cáo của nguyên đơn Trần Thị Bích Th

Thửa đất số 519, tờ bản đồ số 20, diện tích 137,9m<sup>2</sup> đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long do bà Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nguồn gốc do bà Th nhận chuyển nhượng của ông Đào Đức T vào ngày 14/11/2018 là đất trống, phía giáp ranh với thửa 518 của bà L có một đường cống chiều rộng 02 mét, chiều dài 18,04 mét, hai bên cống được lán xi măng nằm trọn trong thửa 519 của bà Th. Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đường cống và phần lán xi măng, bậc tam cấp do chủ đầu tư cũ xây dựng và có trước khi bà L, bà Th mua đất ở đây, bị đơn không có xây dựng. Tại phiên tòa hôm nay phía bị đơn cũng không yêu cầu nguyên đơn trả lại giá trị vì các công trình đã có sẵn. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc nguyên đơn trả cho bị đơn giá trị đường đal và bậc tam cấp với số tiền 6.628.500đ là chưa phù hợp. Do đó kháng

cáo của nguyên đơn không đồng ý trả cho bị đơn số tiền 6.628.500đ là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn:

Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ vào ngày 14/3/2022, nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận đường cống lán xi măng và bậc tam cấp có sẵn từ trước khi nguyên đơn và bị đơn mua nhà đất ở đây, các bên đều thừa nhận nên đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn cho rằng đường cống lán xi măng là đất công cộng nên bị đơn được quyền sử dụng làm lối thoát nước, lối đi và lối thoát hiểm là không có căn cứ. Vì phần đất này có diện tích 36m<sup>2</sup> thuộc thửa 519, diện tích 137,9m<sup>2</sup> ông Đào đức T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó ông T chuyển nhượng lại toàn bộ thửa 519 cho bà Th, giáp ranh giữa hai bên không có thể hiện đất công cộng. Vì vậy yêu cầu của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn trả cho nguyên đơn phần đất diện tích 36m<sup>2</sup> thuộc tách thửa 519, nhưng không tuyên tứ cận cụ thể là chưa chính xác. Hơn nữa trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 15/5/2021 của chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long kèm theo Bản án sơ thẩm không thể hiện vị trí, hình thể, kích thước phần đất tranh chấp. Vì vậy Tòa án cấp phúc thẩm phải tiến hành khảo sát, đo đạc lại vào ngày 14/3/2022. Theo kết quả trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/6/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long thì phần đất tranh chấp có diện tích 36m<sup>2</sup> thuộc tách thửa 519, tờ bản đồ số 20 do bà Trần Bích Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các mốc: 1,2,3,6,1. Vì vậy phải sửa án sơ thẩm về phần này.

[5] Đối với bị đơn trình bày phần cống và phần lán xi măng hiện nay gia đình bị đơn đang sử dụng thải nước sinh hoạt hàng ngày và làm lối đi, lối thoát hiểm, yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét cho bị đơn được sử dụng, nhưng ở cấp sơ thẩm bị đơn không có yêu cầu phản tố, cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm. Nếu bị đơn có yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Xét quan điểm của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận;

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 97/2021/DS-ST ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

[8] Về chi phí tố tụng: chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, khảo sát đo đạc tại cấp phúc thẩm là 5.928.000đ bà Th đã nộp tạm ứng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bà Th tự nguyện nộp toàn bộ nên công nhận sự tự nguyện của bà Th và bà Th đã nộp xong.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

[10] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về chi phí tố tụng buộc bà L nộp 1.728.000đ, bà Th đã nộp tạm ứng và đã chi nên buộc bà L có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Th số tiền 1.728.000đ và buộc bà L phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ

thẩm dân sự là 300.000đ. Hoàn trả cho bà Th 300.000đ theo biên lai số 0005740 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, những phần này không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị Bích Th;  
Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thúy L;  
Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 97/2021/DS-ST, ngày 16/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 166, Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bích Th;

2.Buộc bà Nguyễn Thị Thúy L và ông Nguyễn Minh C chấm dứt hành vi cản trở việc sử dụng đất của bà Trần Thị Bích Th đối với phần đất 36m<sup>2</sup> thuộc thửa 519, diện tích 137,9m<sup>2</sup>, đất trồng cây lâu năm, tọa lạc khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

3.Công nhận cho bà Trần Thị Bích Th được quyền sử dụng diện tích đất 36m<sup>2</sup>, thuộc tách thửa 519, tờ bản đồ số 20, loại đất trồng cây lâu năm, gồm các mốc giới: 1,2,3,6,1, do bà Trần Bích Th đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ( chỉnh lý mặt 3), tọa lạc khóm B, phường T, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

*(Kèm theo Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 20/6/2022 của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Vĩnh Long).*

4.Về chi phí tố tụng: bà Trần Thị Bích Th tự nguyện nộp 5.928.000đ (năm triệu chín trăm hai mươi tám nghìn), bà Th đã nộp xong.

5.Về án phí dân sự phúc thẩm: các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Trần Thị Bích Th 300.000đ ( ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000853 ngày 02/12/2021, hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thúy L 300.000đ ( ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000881 ngày 10/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

6.Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng buộc bà L nộp 1.728.000 đồng nhưng do bà Th đã nộp tạm ứng và đã chi nên buộc bà L có nghĩa vụ hoàn lại cho bà Th số tiền 1.728.000đ. Buộc bà L phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Hoàn trả cho bà Th 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0005740 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long, không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND cùng cấp;
- TANDTP Vĩnh Long;
- CCTHADSTP Vĩnh Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Ánh Bình**